

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ - ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị L**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh P.

(Chị L có mặt và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2021 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Sau đó, cuộc sống chung xảy ra mâu thuẫn anh T thường xuyên đánh chửi chị, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, đời sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đã đưa các con về nhà mẹ đẻ chị ở từ giữa năm 2024. Chị và anh T đã sống ly thân nhau được gần 4 năm nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không

thể hàn gắn được nên chị L đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/11/2013. Hiện nay cháu T đang ở với chị. Cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/8/2008 là con riêng của chị và tại bản tự khai chị trình bày khi chị lấy anh T chị đã hỏi ý kiến anh T về việc để cháu L mang họ Nguyễn của anh T, anh T và gia đình nhà anh T đồng ý cho cháu L được mang họ của anh T. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Phan Thị L không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại Toà án bị đơn là Nguyễn Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Việc chị L làm đơn gửi ra Toà án anh không biết vì lý do gì mà chị L bỏ anh. Do vậy anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị Phan Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/11/2013. Anh và chị L tự thỏa thuận với nhau là ai nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn T không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy phát biểu:

I. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự:

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên tòa; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTWQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/8/2008 và cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 02/01/2013. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Phan Thị L không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại khu 3, xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không đến gây khó khăn cho việc Tòa án xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình giữa anh với chị Phan Thị L và vắng mặt phiên tòa lần 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và được sự đồng ý của gia đình hai bên có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Cuộc sống chung của vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng tăng dần dần đến chị L và các con đã không ở chung cùng với anh T từ giữa năm 2024. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân được 4 năm không ai còn quan tâm chăm sóc nhau và không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể có hạnh phúc và không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp nào để cải thiện cuộc sống vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh vẫn cố tình không đến Tòa án tham gia phiên tòa, như vậy anh xin đoàn tụ nhưng anh đã từ bỏ quyền lợi của mình để mong hàn gắn tình cảm vợ chồng là không có thiện chí nên việc kéo dài hôn nhân không có hạnh phúc và đời sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử, xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2.2]. Về con chung: Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Văn T xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/11/2013. Hiện nay cháu T đang ở với chị L. Cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/8/2008 là con riêng của chị L nhưng khi lấy nhau chị L đã hỏi ý kiến anh T về việc để cháu L mang họ Nguyễn của anh T, anh T và gia đình nhà anh T đồng ý cho cháu L được mang họ của anh T.

Khi ly hôn chị L và anh T đều có nguyện vọng xin nuôi cháu T còn cháu L anh T đề nghị giao cho chị L nuôi.

Xét việc xin nuôi con chung thấy rằng: Yêu cầu xin nuôi con chung của cả hai bên đều chính đáng, hai bên đều làm việc tại địa phương, anh T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh có thu nhập để nuôi con và đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã yêu cầu anh T và chị L cung cấp chứng cứ về điều kiện kinh tế để nuôi con và tại phiên toà hôm nay anh T vắng mặt không giao nộp tài liệu chứng cứ gì chứng minh thu nhập của anh một cách rõ ràng và ổn định để chứng minh khả năng và điều kiện nuôi con chung, anh cũng đã nộp cho Toà án bản phô tô biên bản họp gia đình về việc phân chia thừa kế của gia đình anh và bản kê khai vay nợ mọi người và vay trên mạng của chị L bản phô tô nộp cho Toà án. Hiện nay, do con chung đang ở với chị L ổn định cuộc sống và học tập, bản thân cháu T cũng có quan điểm xin được ở với mẹ và bản thân chị L cũng thiết tha xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu T, chị L có đủ các điều kiện về chỗ ở và thời gian chăm lo cho con chung và cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, rõ ràng về công việc hiện tại và thu nhập ổn định đảm bảo khả năng tài chính nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật bảo vệ người phụ nữ. Do vậy cần giao cháu T cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Đối với cháu L chị L và anh T đều thừa nhận cháu L là con riêng của chị L, tại phiên hoà giải ngày 19/8/2024 anh T cũng không công nhận cháu L là con anh mà anh chỉ nuôi cháu từ lúc 3 tuổi và lấy họ của anh, anh cũng thừa nhận anh đồng ý để cháu L mang họ của anh, anh T đề nghị Toà án giao cháu L cho chị L nuôi, nhưng xét về mặt đạo đức của người Việt Nam thì hiện nay cháu L đang mang họ Nguyễn của anh T, anh T và chị L cũng chưa đưa ra căn cứ gì để khẳng định cháu L không phải con chung của anh chị, mà tại Toà án chị L có bản tự khai và anh T trong phiên hoà giải anh khai như vậy chưa có một kết luận gì của cơ quan chức năng về giám định cha con cho Toà án và do vậy cháu L về mặt pháp luật vẫn công nhận cháu L có bố là Nguyễn Văn T. Do vậy cần giao cháu L cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là đúng với quan điểm của anh Nguyễn Văn T.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Phan Thị L không đề nghị Toà án giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Quyền kháng cáo: Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTWQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T. Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008 và cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 02 tháng 01 năm 2013 kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L và cháu T thành niên. Chị L không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Sau ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003869 ngày 02/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy

